

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ: theo Phụ lục đính kèm.

2. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

3. Các nội dung khác liên quan thực hiện theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 01/2014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2014 về việc quy định mức hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số 360/QĐ-UBND.HC ngày 25 tháng 4 năm 2014 về việc quy định mức hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh lở mồm long móng ở gia súc, tai xanh ở heo và cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Các Bộ: TC, NN&PTNT;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-NStrong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phúc

Digitally signed by Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
DN: c=VN, o=Tỉnh Đồng Tháp, l=Đồng Tháp, cn=Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
Date: 2018.05.15 08:42:58 +07'00'

Châu Hồng Phúc

PHỤ LỤC

Mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Kèm theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
1	Hỗ trợ đối với cây trồng			
a	Diện tích lúa thuần bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	2,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	1,000,000	
b	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	20,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	10,000,000	
c	Diện tích lúa lai bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	3,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	1,500,000	
d	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	30,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	15,000,000	
đ	Diện tích bắp và rau màu các loại thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	2,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	1,000,000	
e	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	4,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	2,000,000	
g	Diện tích hoa cảnh, cây công trình thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	4,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	2,000,000	
h	Diện tích Bonsai, kiểng cỏ bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	8,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	4,000,000	
2	Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp			
a	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	4,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	2,000,000	
b	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	40,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	20,000,000	
3	Hỗ trợ đối với nuôi thủy sản			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
a	Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	5,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	3,000,000	
b	Diện tích nuôi tôm bán thâm canh, thâm canh (tôm càng xanh) bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	7,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	5,000,000	
c	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	8,500,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	5,000,000	
d	Diện tích nuôi cá tra thâm canh bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	25,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	15,000,000	
đ	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/ha	25,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	15,000,000	
e	Lồng, bè, vèo nuôi nước ngọt bị thiệt hại			
-	Trên 70%	đồng/100 m ³ lồng	8,500,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/100 m ³ lồng	5,000,000	
4	Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm			
a	Thiệt hại do thiên tai			
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)			
+	Đến 28 ngày tuổi (hoặc dưới 0,5 kg/con)	đồng/con	17,000	
+	Trên 28 ngày tuổi (hoặc từ 0,5 kg/con trở lên)	đồng/con	30,000	
-	Heo			
+	Đến 28 ngày tuổi (hoặc dưới 10 kg/con)	đồng/con	350,000	
+	Trên 28 ngày tuổi đến 60 ngày tuổi (hoặc từ 10 kg/con đến dưới 60 kg/con)	đồng/con	750,000	
+	Trên 60 ngày tuổi (hoặc từ 60 kg/con trở lên)	đồng/con	1,000,000	
+	Heo nái và heo đực đang khai thác	đồng/con	2,000,000	
-	Trâu, bò thịt, ngựa			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
+	Đến 06 tháng tuổi (hoặc dưới 100 kg/con)	đồng/con	2,000,000	
+	Trên 06 tháng tuổi (hoặc từ 100 kg/con đến dưới 200 kg/con)	đồng/con	3,500,000	
+	Từ 200 kg/con trở lên	đồng/con	5,000,000	
-	Hươu, nai, dê, cừu			
+	Dưới 50 kg/con	đồng/con	1,000,000	
+	Từ 50 kg/con trở lên	đồng/con	1,800,000	
b	Thiệt hại do dịch bệnh			Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ sản xuất có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy
-	Heo	đồng/kg	38,000	
-	Trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai	đồng/kg	45,000	
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)	đồng/con	35,000	

THUYẾT MINH

So sánh mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ dự thảo	Mức hỗ trợ tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP (tối đa)	Mức hỗ trợ đang thực hiện	Ghi chú
1	Hỗ trợ đối với cây trồng					
a	Diện tích lúa thuần bị thiệt hại					
-	Trên 70%	đồng/ha	2,000,000	2,000,000	2,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	1,000,000	1,000,000	1,000,000	
b	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại					
-	Trên 70%	đồng/ha	20,000,000	20,000,000	20,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	10,000,000	10,000,000	10,000,000	
c	Diện tích lúa lai bị thiệt hại					
-	Trên 70%	đồng/ha	3,000,000	3,000,000	3,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	1,500,000	1,500,000	1,500,000	
d	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại					
-	Trên 70%	đồng/ha	30,000,000	30,000,000	30,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	15,000,000	15,000,000	15,000,000	
đ	Diện tích bắp và rau màu các loại thiệt hại					
-	Trên 70%	đồng/ha	2,000,000	2,000,000	2,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	1,000,000	1,000,000	1,000,000	
e	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại					
-	Trên 70%	đồng/ha	4,000,000	4,000,000	4,000,000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	2,000,000	2,000,000	2,000,000	
g	Diện tích hoa trồng đất, cỏ công trình thiệt hại			Chưa quy định	Chưa quy định	Căn cứ tại khoản 6, Điều 5 NĐ02: Các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại chưa được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và Điều 4, 5 của Nghị định
-	Trên 70%	đồng/ha	4,000,000			
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	2,000,000			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ dự thảo	Mức hỗ trợ tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP (tối đa)	Mức hỗ trợ đang thực hiện	Ghi chú	
h	Diện tích hoa trồng bụi, cây trang trí nội thất, Bonsai, kiếng cổ bị thiệt hại				Hoa kiếng	3 và 4 Điều này, Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ vào khả năng cân đối NS, đặc điểm SX và yêu cầu thực tế tại ĐP để quy định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp	
-	Trên 70%	đồng/ha	8,000,000		4,000,000		
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	4,000,000		2,000,000		
2	Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp						
a	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại				Chưa quy định		
-	Trên 70%	đồng/ha	4,000,000	4,000,000			
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	2,000,000	2,000,000			
b	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại						
-	Trên 70%	đồng/ha	40,000,000	4,000,000			
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	20,000,000	2,000,000			
3	Hỗ trợ đối với nuôi thủy sản						
a	Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại						
-	Trên 70%	đồng/ha	5,000,000	4.100.000 - 6.000.000	2.000.000 - 6.000.000		
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	3,000,000	2.000.000 - 4.000.000			
b	Diện tích nuôi tôm bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại			Tôm sú bán thâm canh, thâm canh	Tôm thâm canh		
-	Trên 70%	đồng/ha	7,000,000	6.100.000 - 8.000.000	4.000.000 - 8.000.000		
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	5,000,000	4.000.000 - 6.000.000			
c	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại						
-	Trên 70%	đồng/ha	8,500,000	7.100.000 - 10.000.000	2.000.000 - 10.000.000		
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	5,000,000	3.000.000 - 7.000.000			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ dự thảo	Mức hỗ trợ tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP (tối đa)	Mức hỗ trợ đang thực hiện	Ghi chú
d	Diện tích nuôi cá tra thâm canh bị thiệt hại					
-	Trên 70%	đồng/ha	25,000,000	20.500.000 - 30.000.000	3.000.000 - 30.000.000	
-	Từ 30% - 70%	đồng/ha	15,000,000	10.000.000 - 20.000.000		
đ	Lồng, bè, vèo nuôi nước ngọt bị thiệt hại					
-	Trên 70%	đồng/100 m ³ lồng	8,500,000	7.100.000 - 10.000.000	Chưa quy định	
-	Từ 30% - 70%	đồng/100 m ³ lồng	5,000,000	3.000.000 - 7.000.000		
4	Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm					
a	Thiệt hại do thiên tai					
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)					
+	Đến 28 ngày tuổi (hoặc dưới 0,5 kg/con)	đồng/con	17,000	10.000 - 20.000	15,000	
+	Trên 28 ngày tuổi (hoặc từ 0,5 kg/con trở lên)	đồng/con	30,000	21.000 - 35.000	20,000	
-	Heo					
+	Đến 28 ngày tuổi (hoặc dưới 10 kg/con)	đồng/con	350,000	300.000 - 400.000	400,000	
+	Trên 28 ngày tuổi đến 60 ngày tuổi (hoặc từ 10 kg/con đến dưới 60 kg/con)	đồng/con	750,000	450.000 - 1.000.000	600.000 - 750.000	
+	Trên 60 ngày tuổi (hoặc từ 60 kg/con trở lên)	đồng/con	1,000,000			
+	Heo nái và heo đực đang khai thác	đồng/con	2,000,000	2,000,000	Chưa quy định	
-	Trâu, bò thịt, ngựa					

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ dự thảo	Mức hỗ trợ tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP (tối đa)	Mức hỗ trợ đang thực hiện	Ghi chú
+	Đến 06 tháng tuổi (hoặc dưới 100 kg/con)	đồng/con	2,000,000	500.000 - 2.000.000	2.000.000 - 4.000.000	
+	Trên 06 tháng tuổi (hoặc từ 100 kg/con đến dưới 200 kg/con)	đồng/con	3,500,000	2.100.000 - 6.000.000		
+	Từ 200 kg/con trở lên	đồng/con	5,000,000			
-	Hươu, nai, dê, cừu					
+	Dưới 50 kg/con	đồng/con	1,000,000	1.000.000 - 2.500.000	1.000.000 - 1.500.000	
+	Từ 50 kg/con trở lên	đồng/con	1,800,000			
b	Thiệt hại do dịch bệnh					Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ sản xuất có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy
-	Heo	đồng/kg	35,000	38,000	35.000 - 38.000	
-	Trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai	đồng/kg	40,000	45,000	45,000	
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)	đồng/con	30,000	35,000	20.000 - 35.000	